

Số: /QĐ-UBND

Quảng Ngãi, ngày 10 tháng 7 năm 2019

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc phê duyệt dự án đầu tư xây dựng công trình Khu tái định cư
Vũng Thảo, thôn Thọ Trung, xã Tịnh Thọ (giai đoạn 1)**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NGÃI

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18/6/2014;

Căn cứ Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng; Nghị định số 42/2017/NĐ-CP ngày 05/4/2017 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015 của Chính phủ;

Căn cứ Nghị định số 32/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015 của Chính phủ về quản lý chi phí đầu tư xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 18/2016/TT-BXD ngày 30/6/2016 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng quy định chi tiết và hướng dẫn một số nội dung về thẩm định, phê duyệt dự án và thiết kế, dự toán xây dựng công trình;

Căn cứ Thông tư số 06/2016/TT-BXD ngày 10/3/2016 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng hướng dẫn xác định và quản lý chi phí đầu tư xây dựng;

Xét đề nghị của Chủ tịch UBND huyện Sơn Tịnh tại Tờ trình số 1115/TTr-UBND ngày 03/6/2019 và Giám đốc Sở Xây dựng tại Công văn số 1886/SXD-ĐT&HT ngày 24/6/2019,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt dự án đầu tư xây dựng công trình Khu tái định cư Vũng Thảo, thôn Thọ Trung, xã Tịnh Thọ (giai đoạn 1), với các nội dung chính sau:

1. Tên dự án: Khu tái định cư Vũng Thảo, thôn Thọ Trung, xã Tịnh Thọ (giai đoạn 1).

2. Tên chủ đầu tư: UBND huyện Sơn Tịnh.

3. Mục tiêu đầu tư: Xây dựng khu tái định cư phục vụ giải phóng mặt bằng dự án Khu công nghiệp VSIP Quảng Ngãi – giai đoạn 1B.

4. Nội dung và quy mô đầu tư xây dựng: Đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật khu tái định cư với diện tích khoảng 4,2ha theo chủ trương đầu tư của UBND tỉnh tại Công văn số 4766/UBND-CNXD ngày 13/8/2018, trên một

phần diện tích đất quy hoạch chi tiết 1/500 (diện tích đất quy hoạch khoảng 9,8ha) đã được UBND huyện Sơn Tịnh phê duyệt tại Quyết định số 5352/QĐ-UBND ngày 31/10/2018, gồm các hạng mục hạ tầng kỹ thuật: Đường giao thông, Hệ thống cấp điện, Thoát nước mưa, Thoát nước thải, Vía hè + Cây xanh, Điện chiếu sáng và Cấp nước.

5. Tổ chức tư vấn lập dự án: Công ty TNHH tư vấn và xây dựng Quảng Châu.

6. Chủ nhiệm lập dự án đầu tư: KS. Nguyễn Hữu Thịnh.

7. Địa điểm xây dựng: Xã Tịnh Thọ, Huyện Sơn Tịnh, tỉnh Quảng Ngãi.

8. Diện tích sử dụng đất: Diện tích sử dụng đất khoảng 42.000m².

9. Loại, cấp công trình:

- Các hạng mục Đường giao thông: Công trình giao thông, cấp IV.

- Các hạng mục Hệ thống cấp điện: Công trình năng lượng, cấp IV.

- Các hạng mục Thoát nước mưa, Thoát nước thải, Vía hè + Cây xanh,

Điện chiếu sáng và Cấp nước: Công trình hạ tầng kỹ thuật, cấp IV.

10. Số bước thiết kế: 02 bước.

11. Phương án xây dựng:

11.1. Đường giao thông:

a) Quy mô đường

TT	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Đơn vị	Chỉ tiêu
I	Nền, mặt đường		
1	Loại đường	Loại	Đường nội bộ
2	Tải trọng trục thiết kế	KN	100
3	Tốc độ thiết kế	Km/h	30
4	Chiều dài tuyến		
4.1	Tuyến N2	m	125,0
4.2	Tuyến N3	m	125,0
4.3	Tuyến N4	m	128,5
4.4	Tuyến D3	m	310,9
4.5	Tuyến D4	m	40,3
5	Bề rộng nền đường		
5.1	Tuyến N2, Tuyến N3	m	16,5
5.2	Tuyến N4, Tuyến D3, Tuyến D4	m	11,5
6	Bề rộng mặt đường		
6.1	Tuyến N2, Tuyến N3	m	7,5
6.2	Tuyến N4, Tuyến D3, Tuyến D4	m	5,5
7	Bề rộng vỉa hè		

7.1	Tuyến N2, Tuyến N3	m	4,5x2=9,0
7.2	Tuyến N4, Tuyến D3, Tuyến D4	m	3x2=6,0
8	Dốc ngang mặt đường	%	2,0
9	Dốc ngang vỉa hè	%	1,5
10	Kết cấu mặt đường		Cấp cao A1 (Eyc=100 MPa)
II	An toàn giao thông		QCVN 41-2016

b) Nền, mặt đường:

- Bình đồ, trắc dọc: Tuyến được thiết kế hoàn toàn mới, đảm bảo tuân theo hướng tuyến quy hoạch được duyệt về cao độ, tọa độ các điểm, các nút giao thông.

- Trắc ngang: Trắc ngang được thiết kế theo đúng quy hoạch được duyệt với quy mô nền đường, mặt đường và độ dốc theo bảng quy mô thiết kế.

- Nền đường: Nền đường đắp thông thường và đào khuôn. Nền đường đắp từng lớp bằng đất đồi, lu lèn $K \geq 0,95$ sau khi bóc hữu cơ, sức chịu tải $CBR \geq 5$, riêng 50cm trên cùng lu lèn $K \geq 0,98$, sức chịu tải $CBR \geq 8$.

- Mặt đường: Mặt đường bê tông xi măng với kết cấu từ trên xuống như sau: Lớp BTXM M250 dày 22cm, lớp cấp phối đá dăm loại I $D_{max} = 25$ mm dày 15cm.

c) Bó vỉa: Bó vỉa bằng bê tông M300, cao 15 cm so với mặt đường.

d) Nút giao thông: Thiết kế các nút giao thông cùng mức, bán kính đường cong tại nút tuân theo bán kính quy hoạch được duyệt, kết cấu theo kết cấu của tuyến đường chính.

e) Hệ thống an toàn giao thông: Hệ thống an toàn giao thông trên tuyến được thiết kế đảm bảo các yêu cầu quy định kỹ thuật theo Quy chuẩn quốc gia về báo hiệu đường bộ QCVN 41: 2016/ BGTVT.

11.2. Hệ thống cấp điện:

a) Phần đường dây 22kV:

- Phần dây dẫn và phụ kiện:

+ Cấp điện áp 22kV, kết cấu lưới điện 3 pha, 3 dây.

+ Dây dẫn trung áp xây dựng mới dùng loại dây nhôm bọc cách điện XLPE. Ký hiệu: A/XLPE- 95mm²-12,7/24/kV.

+ Cách điện đứng: Sử dụng loại bằng hợp chất polymer đi kèm kẹp giữ dây. Ký hiệu: SĐ-22. Các vị trí đỡ thẳng, đầu lèo dùng 01 cách điện đứng đỡ dây dẫn cho 1 pha. Các vị trí đỡ vượt, đỡ góc dùng 02 cách điện đứng đỡ dây dẫn cho 1 pha.

+ Dây bọc trung thế phải sử dụng phụ kiện phù hợp, tránh các trường hợp làm hư hỏng lớp vỏ cách điện, làm mất an toàn trong quá trình vận hành và gây sự cố.

+ Cách điện chuỗi sử dụng ở vị trí néo cuối, néo dừng và néo góc dừng loại hợp chất polymer. Liên kết chuỗi bằng móc chữ U chịu lực tối thiểu 70kN.

+ Tại vị trí rẽ nhánh đầu nối vào đường dây 22kV dùng bộ đầu rẽ nhánh cho dây nhôm có tiết diện phù hợp.

- Nối dây dẫn:

+ Dùng khóa néo kiểu ép ở các vị trí hãm dây, đầu lèo dùng khóa đầu lèo, mỗi vị trí của 01 pha dùng 01 bộ.

+ Nối dây dẫn sử dụng ống nối kiểu ép có tiết diện phù hợp và không được nối dây tại các khoảng vượt.

- Các biện pháp bảo vệ:

+ Sử dụng hệ thống nối đất chung kiểu hình tia kết hợp giữa cọc và thanh, loại LR-8 như sau: Dùng 08 cọc bằng thép hình L63x63x6 mạ kẽm nhúng nóng, mỗi cọc dài 2m, được đóng sâu dưới mặt đất 0,8 mét. Thanh liên kết giữa các cọc bằng thép $\Phi 10$. Liên kết giữa cọc và thanh bằng liên kết hàn điện. Các mối hàn được sơn chống rỉ. Tất cả các chi tiết đều mạ kẽm nhúng nóng. Trị số điện trở nối đất phải đảm bảo theo quy định.

+ Tất cả các vị trí cột đường dây 22kV có tiếp địa phải được nối đất đầu cột với xà; các chi tiết bằng thép của tiếp địa cột phải được mạ kẽm nhúng nóng với bề dày lớp mạ tối thiểu phải đạt 0,085mm.

+ Hành lang tuyến theo đúng Nghị định số 14/2014/NĐ-CP ngày 26/02/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật điện lực về an toàn điện.

+ Đánh số thứ tự cột, các thiết bị đóng cắt; lắp đặt biển báo an toàn và treo cờ chỉ thị pha trên lưới điện theo quy định của Tổng công ty Điện lực miền Trung ban hành kèm theo Văn bản số 2897/EVNCPC-KT, ngày 23/04/2018 qui định chi tiết một số nội dung về an toàn điện.

+ Tại vị trí cột đầu nối có lắp cờ chỉ thị pha được treo trực tiếp trên dây dẫn, theo thứ tự vàng, xanh, đỏ. Cờ chỉ thị được làm bằng mica màu, kích thước của cờ là 100x50x3, có lỗ khoan để gắn trực tiếp vào dây dẫn.

- Phần xây dựng đường dây:

+ Cột: Sử dụng cột bê tông ly tâm đúc sẵn cao 16m; có ký hiệu : NPC.I-16-190-11. Cột bê tông ly tâm không ứng lực trước, nhóm I dài 16m, đường kính ngoài đầu cột 190mm, tải trọng thiết kế 11kN.m, sản xuất theo TCVN 5847:2016.

+ Móng cột BTLT: Sử dụng loại bê tông đúc móng M150, đá 2x4; lót móng bằng bê tông M150, đá 4x6, chèn khe hở giữa cột và móng bằng bê tông M200, đá 1x2. Ký hiệu: MT5, MTĐ-3.

+ Xà và cổ dề: Toàn bộ xà được gia công từ thép mạ kẽm nhúng nóng, chiều dày lớp mạ không được nhỏ hơn 85 μm .

b) Phần trạm biến áp:

- Vị trí và dung lượng trạm: Chọn 01 máy biến áp 3 pha với dung lượng 250kVA – 22/0,4kV, được đặt cuối tuyến các đường dây trung thế 22kV xây dựng mới.

- Sơ đồ nối điện:

+ Phía trung áp của máy biến áp dùng sơ đồ khối đường dây - máy biến áp.

+ Phía 0,4kV của máy biến áp:

+ Tủ điện hạ áp đặt tại trạm biến áp gồm có 02 ngăn: 01 ngăn bố trí aptômat, 01 ngăn bố trí các đồng hồ đo đếm điện năng hữu công và vô công để tiện cho việc quản lý, vận hành sau này.

+ Các áp tô mát xuất tuyến: Lắp đặt các áp tô mát cho các xuất tuyến bảo vệ cấp điện đến các hộ dân

- Các biện pháp bảo vệ

+ Bảo vệ ngắn mạch và quá tải phía trung áp dùng cầu chì tự rơi (FCO-24kV) đặt ngoài trời.

+ Bảo vệ sóng quá điện áp truyền từ đường dây vào trạm dùng chống sét van (LA-18kV).

+ Bảo vệ ngắn mạch và quá tải phía hạ áp bằng aptômat tổng loại 3 pha, 3 cực 400A - 600V.

- Nối đất:

+ Tại trạm biến áp xây dựng mới 01 hệ thống nối đất chung kiểu cọc, tia hỗn hợp; Ký hiệu: LR-16 gồm 16 cọc bằng thép L63x63x6 mạ kẽm nhúng nóng dài 2 mét làm các cọc nối đất. Thanh tiếp đất bằng thép tròn CT3 Φ12 mạ kẽm. Liên hệ giữa các cọc và thanh bằng liên kết hàn điện.

+ Dây nối từ vỏ các thiết bị, chống sét van, trung tính MBA đến dây tiếp địa cột, dùng dây đồng trần M35. Dây tiếp địa nối từ hệ thống tiếp địa trạm lên đến xà lắp FCO, LA phải dùng dây thép dẹt –40x4 mạ kẽm nhúng nóng. Trị số điện trở nối đất trung tính của máy biến áp theo qui định tại Điều I.7.52 của Quy phạm trang bị điện 11TCN-18-2006 và các chi tiết tiếp đất khác thực hiện theo Điều II.5.72 của Quy phạm trang bị điện 11TCN-19-2006.

+ Tất cả các chi tiết nối đất đều được mạ kẽm nhúng nóng, chiều dày lớp mạ không được nhỏ hơn 0.085 mm.

- Các giải pháp đấu nối:

+ Đấu nối từ đường dây trung thế đến MBA dùng loại dây đồng bọc XLPE 24kV. Ký hiệu: Cu/XLPE/PVC 50mm² - 12,7/24 kV.

+ Đấu nối từ máy biến áp đến áp tô mát tổng dùng loại cáp đồng 4 ruột bọc PVC, cách điện XLPE. Ký hiệu: Cu/XLPE/PVC (3x240+1x120)mm² – 600V và được luồn trong 1 ống nhựa HDPE Φ130/100.

+ Thanh cái sử dụng thanh đồng -6x80x500.

+ Đấu nối từ thanh cái đến tủ tụ bù dùng loại cáp đồng 4 ruột bọc PVC, cách điện XLPE. Ký hiệu: Cu/XLPE/PVC (3x240+1x120)mm² - 600V.

+ Đầu nối từ aptomat tổng đến thanh cái hạ thế sử dụng dây đồng bọc cách điện PVC. Ký hiệu: CXV 240mm²- 600V

+ Đầu nối từ thanh cái đến các aptomat xuất tuyến hạ thế dùng cáp đồng bọc cách điện XLPE. Ký hiệu: CXV120mm²-600V cho xuất các xuất tuyến.

- Bù công suất phản kháng:

+ Dùng tủ bù công suất phản kháng hợp bộ, vỏ tủ bằng inox 304, công suất 100kvaR.

+ Cáp từ thanh cái 0,4kV đến tủ bù công suất phản kháng: Dùng cáp đồng bọc cách điện và được luồn trong ống nhựa xoắn.

+ Bệ đỡ tủ bù: Sử dụng loại bê tông đúc móng M200, đá 1x2; lót móng bằng bê tông M150, đá 4x6. Ký hiệu: BTB.

- Đo lường: Đo đếm điện năng bằng công tơ điện tử 3 pha 220/380V - 5A thông qua biến dòng 400/5A đặt tại tủ điện trạm biến áp.

- Phần xây dựng:

+ Trạm biến áp được xây dựng theo kiểu treo trên cột, đặt máy ngoài trời, xung quanh không có tường rào bảo vệ. Máy biến áp 3 pha được treo trên 02 cột BTLT cao 16m xây dựng mới.

+ Hệ xà trạm: Gia công bằng thép hình mạ kẽm nhúng nóng, chiều dày lớp mạ tối thiểu là 0,085 mm.

+ Tại vị trí trạm biến áp có lắp cờ chỉ thị pha được treo trực tiếp trên dây dẫn, theo thứ tự vàng, xanh, đỏ. Cờ chỉ thị được làm bằng mica màu, kích thước của cờ là 100x50x3, có khoan lỗ để gắn trực tiếp vào dây dẫn.

c) Phần đường dây 0,4kV:

- Dây dẫn: Kết cấu lưới điện 3 pha - 4 dây

+ Di dời các đường dây hạ thế kéo dài từ cột TBA tới cột số 13, dọc tuyến đường tỉnh lộ 20 và rẽ nhánh qua cột 02/01 thuộc xuất tuyến 1; đoạn từ cột TBA tới cột 01/01 của xuất tuyến 2 trong phạm vi xây dựng đường điện trung thế 22kV để cấp điện cho KTĐC xây dựng mới.

+ Dây dẫn hạ thế trên không cải tạo sau di dời dùng dây LV-ABC-95mm² trong đó tận dụng lại 17m LV-ABC-70mm², 50m dây AC-70mm², 30m dây AC-95mm².

+ Dây dẫn hạ thế xây dựng mới với tổng chiều dài 904m, sử dụng loại LV-ABC(4x70)mm², LV-ABC(4x95)mm² dùng cho 3 lộ ra khác nhau của TBA xây dựng mới.

+ Trên tuyến đường dây dùng các loại phụ kiện phù hợp với cáp vắn xoắn như: Khóa néo dây, khóa treo dây, kẹp cáp xuyên cách điện, giá đỡ cáp, nắp bịt đầu cáp ... phù hợp với tiết diện dây dẫn.

+ Nối dây dẫn dùng kẹp cáp xuyên cách điện cho các vị trí đầu nối rẽ nhánh mỗi vị trí dùng 1 pha kẹp cáp.

+ Sử dụng ống nối kiểu ép tại các vị trí nối dây, mỗi pha dùng 1 ống nối không được nối tại các khoảng vượt.

- Các biện pháp bảo vệ:

+ Sử dụng aptômat 3 pha 3 cực để bảo vệ cho xuất tuyến.

+ Tại tủ điện sinh hoạt bố trí một hệ thống tiếp địa kiểu LR-4: gồm 04 cọc thép, mỗi cọc dài 2m bằng thép góc L63x63x6 mạ kẽm làm cọc nối đất và được chôn sâu dưới đất 0,8m. Các cọc được nối với nhau bằng thép tròn CT3- Φ 10 mạ kẽm với liên kết hàn điện. Trị số điện trở của mỗi nối đất lắp lại phải đảm bảo $R_{nd} < 30\Omega$ ở bất kỳ thời điểm nào trong năm theo quy định tại điều I.7.52 của quy phạm trang bị điện.

- Phần xây dựng đường dây:

+ Cột: Dùng cột Bê tông ly tâm đúc sẵn cao 8,4 mét và 10,5 mét.

+ Bê tông ly tâm cao 8,4m, ký hiệu: NPC.I-8,4-160-3,0. Cột bê tông ly tâm không ứng lực trước, Nhóm I dài 8,4m, đường kính ngoài đầu cột 160mm, tải trọng thiết kế 3,0kN.m, sản xuất theo TCVN 5847:2016.

+ Đối với trường hợp đỡ vượt dùng cột cao 10,5m: NPC.I-10,5-190-4,3. Cột bê tông ly tâm không ứng lực trước, Nhóm I dài 10,5m, đường kính ngoài đầu cột 190mm, tải trọng thiết kế 4,3kN.m, sản xuất theo TCVN 5847:2016.

+ Móng cột: Dùng móng bê tông cốt thép đổ tại chỗ. Đúc móng bằng bê tông mác 150, đá 2x4, lót móng bê tông đá 4x6 mác 100. Chèn khe hở giữa cột và móng bằng bê tông M200, đá 1x2. Khi thi công phải đúc móng trước khi dựng cột. Ký hiệu: MT1, MT2, MTĐ-2. MTĐ-1.

+ Xà và Cổ dề: Dùng thép mạ kẽm nhúng nóng, chiều dày lớp mạ tối thiểu là 0.085mm.

11.3. Các hạng mục công trình hạ tầng kỹ thuật:

a) San nền:

San nền theo từng lô, toàn bộ khu vực san nền được đắp với tổng diện tích khoảng 27.418m², khối lượng đất đắp khoảng 48.740m³, hệ số đàn nén $K=0,85$ Hướng thoát nước về phía đường giao thông.

b) Thoát nước mưa:

Thiết kế dưới vỉa hè dọc các tuyến đường giao thông theo quy hoạch đã được phê duyệt. Sử dụng cống tròn ly tâm BTCT đúc sẵn đường kính Φ 300, Φ 600 và Φ 1000; cống dưới đường chịu tải trọng H30-XB80, cống dưới vỉa hè chịu tải trọng H10-X60; mỗi nối cống bằng gioăng cao su kết hợp chèn vữa xi măng. Đối với cống hộp (1,0x1,0)m bằng BTCT (bê tông đá 1x2 M300), mỗi nối cống bằng vải tấm nhựa đường kết hợp chèn vữa xi măng. Nước mưa được thu gom và đầu nối thoát vào các cống qua đường hiện trạng trên tuyến đường huyện ĐH.20; độ dốc dọc tuyến $i=(0,1-0,62)\%$. Giếng thăm bằng bê tông đá 1x2 M200, đáy giếng thăm bằng đan BTCT (bê tông đá 1x2 M250) kết hợp đan gang định hình. Hồ thu bằng bê tông đá 1x2 M250 đáy song chắn rác bằng gang.

Mương hở B4000: Thiết kế dọc ranh giới phía Bắc của dự án, hệ số mái ta luy 1:1. Kết cấu mái ta luy bằng bê tông đá 1x2 M150 dày 10cm, chân khay

bằng bê tông đá 2x4 M150. Công hộp qua đường kích thước (2,0x1,5)m, kết cấu bằng BTCT (bê tông đá 1x2 M300).

Công kỹ thuật: Thiết kế tại vị trí các nút giao thông, sử dụng công vuông V(50x50)cm. Kết cấu công bằng BTCT (bê tông đá 1x2 M250), chịu tải trọng H30-XB80.

c) Thoát nước thải:

Thiết kế dọc phía sau các lô đất và dưới vỉa hè các tuyến đường giao thông theo quy hoạch đã được phê duyệt. Sử dụng ống nhựa uPVC đường kính Ø200 và Ø300; riêng đối với công qua đường sử dụng công tròn ly tâm BTCT đúc sẵn đường kính Ø300 chịu tải trọng H30-XB80, mỗi nôi công bằng gioăng cao su kết hợp chèn vữa. Nước thải được thu gom về trạm xử lý nước thải để xử lý trước khi đầu nôi vào giếng thăm hệ thống thoát nước mưa theo quy hoạch đã được phê duyệt; độ dốc dọc tuyến $i=(0,33-0,37)\%$. Hố ga dưới vỉa hè bằng bê tông đá 1x2 M200, đan dẫy bằng BTCT (bê tông đá 1x2 M250) kết hợp đan gang định hình; hố ga phía sau các lô đất bằng bê tông đá 1x2 M200, đan dẫy bằng BTCT.

Trạm xử lý nước thải được thiết kế tại lô đất hạ tầng kỹ thuật theo quy hoạch đã được phê duyệt, gồm bể xử lý nước thải và nhà điều hành

- Bể xử lý nước thải: Công suất 105m³/ngày đêm, kích thước bể (LxBxH)=(12,0x6,9x3,35)m, bể đặt ngầm với mặt bể bằng cao độ san nền hoàn thiện, đáy bể, thành bể dày 20cm, nắp bể dày 15cm. Kết cấu bể bằng BTCT.

- Nhà điều hành: Được xây dựng trên mặt bằng bể xử lý nước thải. Nhà 01 tầng, diện tích xây dựng khoảng 14,9m². Chiều cao công trình 3,4m so với cốt sân nền. Tường bao xây gạch không nung, cửa đi bằng khung sắt chịu lực kết hợp kính, nền lát gạch ceramic 500x500, mái bằng BTCT, hoàn thiện quét vôi. Kết cấu móng tường xây đá chẻ kết hợp khung sàn BTCT (bê tông đá 1x2 M200).

d) Vỉa hè + Cây xanh:

- Vỉa hè: Thiết kế dọc các tuyến đường giao thông theo quy hoạch đã được phê duyệt. Vỉa hè lát gạch terrazzo trên lớp bê tông đá 1x2 M150 dày 5,0cm và dốc về phía đường giao thông với độ dốc bằng 1,5%.

- Cây xanh: Thiết kế dọc các tuyến đường giao thông; kích thước hố (1x1)m, thành hố bằng bê tông đá 1x2 M200, mặt thành hố lát đá granit. Khoảng cách giữa các hố cây trung bình khoảng (12-16)m. Cây xanh bóng mát trồng cây Lim Xẹt.

e) Điện chiếu sáng:

Thiết kế nằm trên vỉa hè dọc các tuyến đường giao thông theo quy hoạch đã được phê duyệt. Nguồn điện được đầu nôi từ hệ thống cấp điện của khu tái định cư. Đường dây chiếu sáng đi nôi trên trụ điện lực dọc theo vỉa hè, sử dụng đèn đèn chiếu sáng cao 2m, bóng Led 85W (số lượng 36 bộ). Dây dẫn sử dụng dây LV-ABC(4x25)mm², tuyến đường dây dài khoảng 790m.

f) Cấp nước:

Thiết kế dọc các tuyến đường giao thông theo quy hoạch đã được phê duyệt. Nguồn nước được đầu nối từ hệ thống cấp nước trong khu vực. Đường ống cấp nước sử dụng ống nhựa HDPE D100/110 dài khoảng 600m, ống nhựa HDPE D50/63 dài khoảng 1.000m.

12. Thiết kế công nghệ, thiết bị:

a) Công nghệ: Trạm xử lý nước thải áp dụng công nghệ xử lý nước thải theo phương pháp vi sinh kết hợp phương pháp xử lý cơ học và hóa lý với quy trình công nghệ như sau: Bể tự hoại → Bể điều hòa → Bể Anoxic → Bể MBBR → Bể lắng → Bể khử trùng → Nước thải đầu ra (nguồn tiếp nhận đạt QCVN 14:2008/BTNMT cột B).

b) Thiết bị: Các bể xử lý, bơm nước thải, đĩa phân phối khí, máy khuấy, bơm nước thải tuần hoàn, máy thổi khí, giá thể sinh học, bơm bùn, bơm định lượng, ống lắng trung tâm, bồn pha hóa chất... cơ bản đáp ứng yêu cầu công nghệ và có xuất xứ từ các nước Đức, Nhật, Đài Loan..., một số thiết bị sản xuất tại Việt Nam, thiết bị mới 100%.

13. Phương án giải phóng mặt bằng, tái định cư: Theo phương án bồi thường tổng thể số 207/PABTTT-UBND ngày 25/01/2019 của Chủ tịch UBND huyện Sơn Tịnh.

14. Tổng mức đầu tư của dự án: Tổng mức: **39.000.000.000 đồng** (*Bằng chữ: Ba mươi chín tỷ đồng*).

Trong đó:

- Chi phí bồi thường GPMB:	7.199.870.000 đồng
- Chi phí xây dựng:	21.828.007.000 đồng
- Chi phí thiết bị:	2.224.352.000 đồng
- Chi phí quản lý dự án:	528.754.000 đồng
- Chi phí tư vấn đầu tư XD:	2.088.137.000 đồng
- Chi phí khác:	1.876.687.000 đồng
- Chi phí dự phòng:	3.254.193.000 đồng

15. Nguồn vốn đầu tư: Theo Công văn số 4766/UBND-CN XD ngày 13/8/2018 của UBND tỉnh Quảng Ngãi.

16. Hình thức quản lý dự án: Chủ đầu tư tổ chức quản lý dự án theo quy định tại Điều 16 Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015 của Chính phủ.

17. Thời gian thực hiện dự án: Năm 2019-2020.

Điều 2. Căn cứ Quyết định này, Chủ đầu tư có trách nhiệm:

1. Thực hiện đầy đủ các quy định về quản lý dự án đầu tư xây dựng, quản lý chặt chẽ kinh phí của dự án trong phạm vi tổng mức đầu tư được duyệt, sớm đưa dự án vào khai thác, phát huy có hiệu quả.

2. Thực hiện các nội dung kiến nghị của Sở Xây dựng tại Văn bản số 1886/SXD-ĐT&HT ngày 24/6/2019.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 4. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở: Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Xây dựng, Giao thông vận tải, Công Thương, Khoa học và Công nghệ, Tài Nguyên và Môi trường; Giám đốc Kho bạc Nhà nước Quảng Ngãi; Chủ tịch UBND huyện Sơn Tịnh và Thủ trưởng các sở, ngành liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- VPUB: TH, CBTH;
- Lưu: VT, CNXD (trung270)

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Nguyễn Tăng Bính